

CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Tp HCM, tháng năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
VIET NAM BLANKET WOOL COMPANY**

**Phụ lục số IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
Năm báo cáo 2018**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 413004578
- Vốn điều lệ: 41.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 63 Hồ Bá Phấn – Phước Long A- Quận 9 –TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08. 37313218 – 08. 37313031
- Số fax: 08.37313139
- Website: <http://www.lenvietnam.com>
- Mã cổ phiếu (nếu có): LVN

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: *(ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).*

+ Ngày thành lập : Ngày 06 tháng 04 năm 2006

- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: *(Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).*

+ Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu len (bao gồm len từ lông thú, từ sợi tổng hợp), các sản phẩm từ len,thêu đan,may mặc,nguyên phụ liệu, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa khác có liên quan đến len, thêu đan, may mặc;

- **Địa bàn kinh doanh:** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- + Thành phố Hồ Chí Minh. (sản xuất và kinh doanh)
- + Thành phố Biên Hòa , Tỉnh Đồng Nai (Chủ yếu sản xuất)
- + Các tỉnh thành phía nam (chủ yếu tiêu thụ sản phẩm)
- + Thị Trường Hà Lan (Chủ yếu tiêu thụ mền DA)

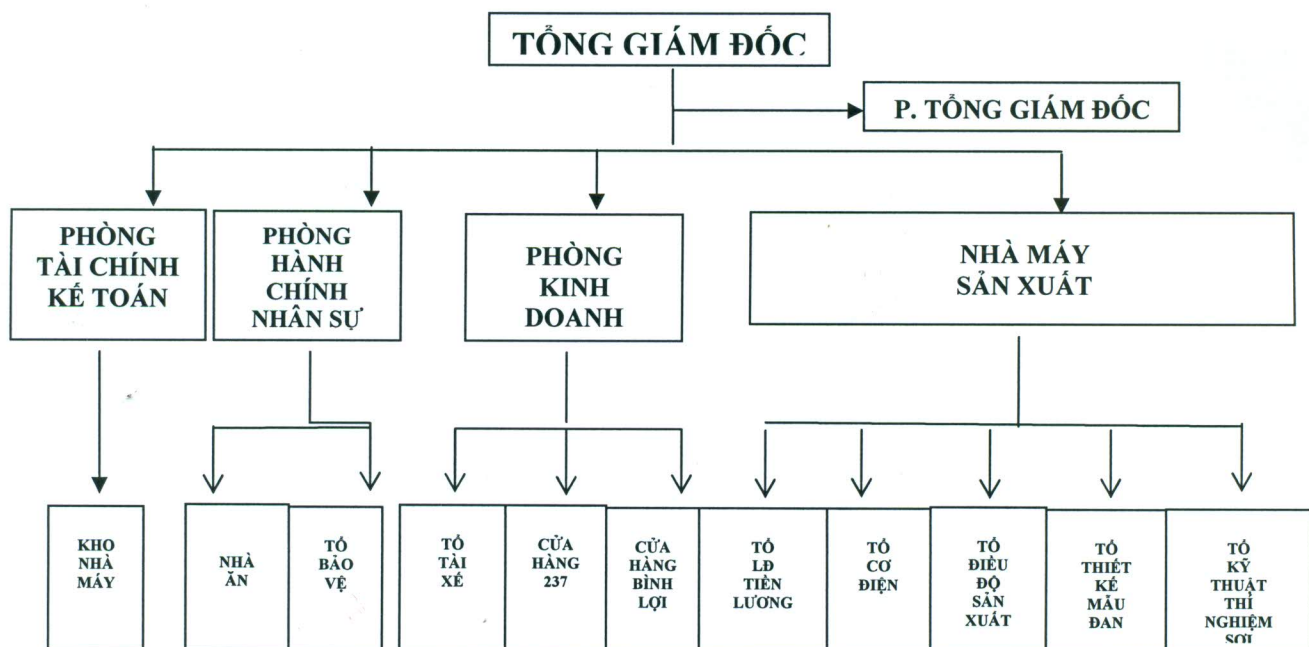
4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

Bao gồm : Đại hội đồng cổ đông ; Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát , Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LEN VIỆT NAM



5- Định hướng phát triển

1. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SX KINH DOANH NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019
I. Tổng doanh thu	26.099	33.725
1. Doanh thu sản xuất thực tế	20.245	20.500
2. Doanh thu thanh lý hàng tồn kho, tài sản	5.854	13.225
II. Tổng chi phí	30.868	43.300
1. Chi phí sản xuất thực tế	19.853	20.100
2. Chi phí xử lý hàng tồn kho, mmtb, tồn tại cũ	11.015	23.200
III. Lãi, lỗ	(4.769)	(9.575)
1. Lãi sản xuất thực tế	392	400
2. Lỗ thanh lý tồn kho, mmtb, chi phí tồn tại cũ	(5.161)	(9.975)
Trong đó lỗ:		
+ Thanh lý hàng tồn, mmtb	115	(5.675)
+ Do chi phí lãi vay:	(4.852)	(4.300)
+ Khấu hao tài sản chờ thanh lý	(424)	

2. Về việc trả nợ vay:

- Tiếp tục tìm mọi biện pháp để thanh lý hàng tồn kho và các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.
- Hiện nay, ngân hàng Vietbank đã khởi kiện công ty do nợ quá hạn. Chi Cục thi hành án dân sự Quận 9 đã ra Quyết định thi hành án số: 1695/QĐ-CCTHADS ngày 23/08/2018. Ngân hàng Vietbank đã thông báo phong tỏa tài khoản ngân hàng nên gây nhiều khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp.
- Ngân hàng Vietinbank cũng trong quá trình yêu cầu công ty có lộ trình trả nợ nếu không cũng sẽ khởi kiện.

3. Về cơ cấu lại khu vực sản xuất :

- Năm 2019 tiếp tục khai thác các khu máy có hiệu quả, chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả không sản xuất để không phát sinh tồn kho.
- Tìm nguồn hàng gia công ổn định tạo việc làm cho người lao động.
- Chuyển hết toàn bộ 14 máy se và 2 máy đậu từ nhà máy Bình Lợi về Vĩnh Thịnh để tập trung khai thác tối đa công suất các máy se hiện có của Công ty, tăng tổng số máy tại nhà máy Vĩnh Thịnh lên thành 42 máy se và 6 máy đậu.

4. Về đầu tư, phát triển:

- Công ty đã đầu tư thêm 1 máy đậu cơ Spandex để đáp ứng nhu cầu mặt hàng se sợi đa dạng cho thị trường bằng nguồn vốn tự có.
- Tiếp tục thanh lý hàng hóa, tài sản để trả nợ vay ngân hàng.

- 6- Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty) : Tình hình nhập lậu các loại sợi AC, chần len làm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm trong nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2018 ban điều hành công ty đã qui hoạch lại các khu máy, tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị không sử dụng, chỉ duy trì sản xuất những khu máy với Doanh thu đủ trang trải chi phí trong sản xuất để tạo việc làm cho người lao động, cắt lỗ những khu máy có đơn hàng sản xuất không hiệu quả, cụ thể:

TT	Đơn vị	Mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
	Xưởng Đan	- Sản phẩm đan	SP	19.253
		- Bo	Mét	6.621
		- Bo	Cái	593.319
	Xưởng sợi	- Sợi AC	kg	37.079,30
		- Sợi gia công	kg	848.992,28
	Bình Lợi	- Mền các loại	Cái	6.648

- Xưởng đan: sản xuất cầm chừng, không có hiệu quả.
- Xưởng sợi: duy trì sản xuất khu vực máy se có hiệu quả, khu vực kéo sợi ngưng sản xuất.
- Nhà máy Bình Lợi: sản xuất cầm chừng, 6 tháng cuối năm ngưng sản xuất.

b- Thực hiện các chỉ tiêu:

1. Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Nam /nữ	Quê quán	Loại cổ đông	Quan hệ với CĐN B	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay	Số chứng khoán nắm giữ
Lê Thanh Liêm	21/8/1960	Nam				23 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Bình Thạnh	Đại học	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc	
Lê Văn Anh	15/11/1969	Nam	TP HCM	Nội bộ		769/121 B Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8	Đại học	TV. HĐQT kiêm Giám Đốc Điều hành Cty.	59.000
Phạm Văn Tân	9/4/1956	Nam	Tiền Giang	Nội bộ		218/17 Minh phụng- P.6- Q.6	Đại học		286.300
Nguyễn Thị Chín	10/8/1970	Nữ	Bình Định			58/3/14 Phan Văn Trị, P.10, Gò Vấp	Đại học	Kế toán trưởng	
Phan Thanh Sơn	31/8/1957	Nam	Hà Tĩnh			66/17 Phở Quang, P.2, Tân Bình	Đại học	Trưởng Ban kiểm soát	

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số CBCNV : 82 , Trong đó nữ : 52

+ Số lao động đã ký HĐLĐ : 82

Tóm tắt chính sách đối với người lao động :

+ Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ , chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật như : BHXH, BHYT,BHTN; các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.

+ Xây dựng và điều chỉnh đơn giá lương kịp thời.

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách trợ cấp, thăm viếng, hiếu hỷ, ... theo thỏa ước lao động tập thể : thăm hỏi người lao động bị ốm đau, bị tai nạn, người lao động kết hôn, trợ cấp khó khăn đột xuất

+ Công ty và các tổ chức đoàn thể luôn quan tâm và tặng quà cho các chi em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt.

2. Tình hình tài chính

a- Tình hình tài chính

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Giá trị tổng tài sản	Triệu đồng	48.801	38.302	78,49
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	46.989	24.159	51,41
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(35.945)	(5.660)	(15,75)
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(5.331)	(891)	(16,71)
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(30.613)	(4.769)	(15,58)
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(30.613)	(4.769)	(15,58)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0%	0%	

B- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,42	0,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	0,11	0,05	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,075	1,221	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(14,189)		
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq	1,85	1,21	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,96	0,63	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,65,1)		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,274		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,627)		
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,765)		
.....			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) *Cổ phần: (Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 41.000.000 cổ phần – đang chuyển nhượng tự do.

- Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: (Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.)

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo CĐ nhà nước và khác	4.100.000	100,00
Cổ đông nhà nước	2.753.120	67,15
Cổ đông khác	1.346.880	32,85
Phân theo CĐ tổ chức và cá nhân	4.100.000	100,00
Tổ chức	3.054.370	74,50
Cá nhân	1.045.630	25,50

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1/. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2018:

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2017	Giá trị tăng/ giảm so với đầu năm	Tỷ lệ (%) tăng giảm
TÀI SẢN				
A.Tài sản ngắn hạn	14.467	22.215	(7.748)	(34,88)
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	447	2.623	(2.176)	(82,96)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
III. Các khoản phải thu	2.026	2.834	(808)	(28,51)
IV.Hàng tồn kho	11.961	16.665	(4.704)	(28,23)

V. Tài sản ngắn hạn khác	33	92	(59)	(64,13)
B.Tài sản dài hạn	23.836	26.586	(2.750)	(10,34)
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	48	(48)	(100)
II. Tài sản cố định	21.787	24.330	(2.544)	(10,46)
III.Bất động sản đầu tư				
IV. Tài sản dở dang dài hạn				
V.Các khoản ĐT tài chính dài hạn	2.000	2.000	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	49	208	(159)	(76,44)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	38.302	48.801	(10.499)	(21,51)
NGUỒN VỐN				
A.Nợ phải trả	46.771	52.501	(5.730)	(10,91)
I.Nợ ngắn hạn	46.771	52.461	(5.690)	(10,85)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	32.004	36.325	(4.321)	(11,90)
II. Nợ dài hạn		39	(39)	(100)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>		39	(39)	(100)
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	(8.469)	(3.700)	(4.769)	128,89
I. Vốn chủ sở hữu	41.000	41.000		
II.Thặng dư vốn cổ phần				
III.Quỹ đầu tư phát triển				
IV.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(49.469)	(44.700)	(4.769)	10,67
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	38.302	48.801	(10.499)	(21,51)

2/. Tình hình nợ vay tính đến 31/12/2018:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dư nợ 31/12/2018	Dư nợ 31/12/2017	Tăng(+)/giảm(-)so với năm 2017
	TỔNG CỘNG	32.003.886.993	36.364.591.132	(4.360.704.139)
1	Vay ngắn hạn	32.003.886.993	35.930.007.812	(3.926.120.819)
-	NH TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	9.569.269.633	9.679.269.633	(110.000.000)
-	NH TMCP Công Thương VN – CN11 (Vietinbank)	22.434.617.360	26.250.738.179	(3.816.120.819)
2	Nợ thuê tài chính		434.583.320	(434.583.320)
	Phải trả trong 2018 – Vietcombank Leasing		395.416.642	(395.416.642)
	Phải trả trong 2019 - Vietcombank Leasing		39.166.678	(39.166.678)

3/. Tình hình thanh lý hàng tồn kho:

TT	Nội dung	Tồn kho 31/12/2018	Tồn kho 31/12/2017	Tăng(+)/giảm(-)so với năm 2017
	TỔNG CỘNG	25.446.533.596	32.767.674.846	(7.321.141.250)
1	Nguyên liệu, vật liệu	3.625.229.748	6.517.363.330	(2.892.133.582)
2	Chi phí sxkd dở dang	340.721.934	2.171.211.645	(1.830.489.711)
3	Thành phẩm	20.299.774.247	23.455.920.769	(3.156.146.522)
Trong đó				
	- Sợi	3.151.689.598	3.296.300.314	(144.610.716)
	- Mền, vải lông thú	8.909.267.244	10.602.931.583	(1.693.664.339)
	- SP đan	8.139.055.453	9.148.740.395	(1.009.684.942)
	- Gia công	99.761.952	407.948.477	(308.186.525)
4	Hàng hóa	1.180.807.667	623.179.102	557.628.565

Trong năm 2018 Công ty đã tiến hành kiểm kê phân loại, sắp xếp lại hàng tồn kho, bảo quản hàng tồn kho theo từng khu vực. Nhưng do sản phẩm tồn kho lâu không phù hợp với thị trường hiện tại nên việc thanh lý hàng tồn gặp rất nhiều khó khăn. Trị giá hàng tồn kho cuối năm giảm so với đầu năm 7,3 tỷ đồng.

4/. Tình hình thanh lý tài sản, CCDC:

S TT	Danh mục	Giá trị còn lại	Giá trị thu hồi
1	Dây chuyền nhuộm	68.006.174	340.500.000
2	Công cụ, dụng cụ	-	210.600.000
	CỘNG	68.006.174	551.100.000

Công ty đã tổ chức công tác đấu thầu để thanh lý tài sản, tuy nhiên qua 6 lần đăng báo bán đấu giá Công ty vẫn không thanh lý được tài sản để thu hồi vốn trả nợ cho Ngân hàng. Do máy móc thiết bị cũ kỹ, giá trị còn lại cao.

1. *Tình hình tài chính*

a) - Tình hình tài sản

(Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu	ĐV T	Năm 2017	Năm 2018	So sánh tăng giảm%
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>				
Tài sản cố định / Tổng tài sản	%	49,86	56,88	114,08
Tài sản lưu động / Tổng tài sản	%	45,52	45,52	64,34
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>				
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	107,58	122,11	113,51
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	(7,58)	(22,11)	291,68

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả	31-12-2017	31-12-2018	So sánh tăng giảm%
I- Nợ ngắn hạn	52.461.341.616	46.771.279.413	89,15
1- Vay và nợ ngắn hạn	36.325.424.454	32.003.886.993	88,10
2- Phải trả người bán	747.364.303	401.805.259	53,76
3- Người mua trả tiền trước	6.449.223.805	2.267.877.080	35,17
4- Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	1.489.166.571	103.428.645	6,95
5- Phải trả người lao động	1.617.302.040	817.561.910	50,55
6- Chi phí phải trả	3.536.362.544	8.365.555.384	236,56
7- Các khoản phải trả phải nộp khác	2.296.497.899	2.811.164.142	122,41
II- Nợ dài hạn	39.166.678	0	
1- Vay và nợ dài hạn	39.166.678	0	
2- Phải trả dài hạn khác	0	0	
Tổng cộng	52.500.508.294	46.771.279.413	89,09

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Các khoản nợ	31-12-2017	31-12-2018	So sánh tăng giảm%
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.834.368.627	2.026.067.238	71,48
1. Phải thu khách hàng	2.914.480.336	2.266.855.308	77,78
2. Trả trước cho người bán	12.000.000	12.000.000	100,00
3. Các khoản phải thu khác	373.706.973	213.030.612	57,00
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(465.818.682)	(465.818.682)	(100,00)

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	So sánh tăng giảm%
Doanh thu thuần	đồng	46.988.728.406	24.159.119.218	51,41
Lợi nhuận gộp	đồng	(21.126.122.232)	6.823.376.400	
<i>Tỷ trọng lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần</i>	%			
Chi phí lãi vay	đồng	4.811.881.512	4.852.378.839	100,84
<i>Tỷ trọng chi phí lãi vay /Lợi nhuận gộp</i>	%			

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty theo sơ đồ quản lý trực tuyến gồm 3 phòng ban và 3 nhà máy.
- Tổ chức, sắp xếp lại lao động cho nhà máy chần len Bình Lợi, Nhà máy Đan và nhà máy sợi- xe.
- Bố trí lao động hợp lý cho dây chuyền sản xuất sợi AC, dây chuyền sản xuất sợi se của Nhà máy sợi - xe. Đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm sợi AC, sợi AC pha Wool, sợi Wool 100% và sợi Wool pha PE .
- Tiết kiệm triệt để chi phí sản xuất. Điều hành quỹ lương theo hiệu quả sản xuất của từng nhà máy. thu nhập của người lao động phải gắn liền với hiệu quả của từng nhà máy.
- Nâng cấp máy móc thiết bị, xây dựng lịch xịch tu sửa, tập trung khai thác triệt để máy móc, thiết bị, nhà xưởng hiện có để tăng doanh thu.
- Chấn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng, định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, giảm chi phí nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu, nhằm giảm giá thành ,tăng sức cạnh tranh về giá cả trên thị trường.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển sợi len cao cấp.
- Tiếp tục cho thuê nhà xưởng không có nhu cầu sử dụng tại nhà máy chần len Bình Lợi . nhà máy len Biên Hòa. Để bù đắp một phần chi phí thuê đất của 2 Nhà máy này.
- Thực hiện nhượng bán những máy móc thiết bị không còn sử dụng tại 3 Nhà máy , thu hồi vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh tiêu thụ sợi len Acrylic , mền và áo còn tồn kho .

3. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

- Chi phí phải trả cho người lao động lâu năm nghỉ việc cao.
- Tích cực tiêu thụ hàng tồn kho,
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của nhà nước về luật lao động, luật kế toán, thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát công ty kiểm tra các vấn đề:

- HĐQT đã chỉ đạo ban TGD hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2017.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho hoạt động của công ty.
- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019
I. Tổng doanh thu	26.099	33.725
1. Doanh thu sản xuất thực tế	20.245	20.500
2. Doanh thu thanh lý hàng tồn kho, tài sản	5.854	13.225
II. Tổng chi phí	30.868	43.300
1 Chi phí sản xuất thực tế	19.853	20.100
2 Chi phí xử lý hàng tồn kho, mmtb, tồn tại cũ	11.015	23.200

III. Lãi, lỗ	(4.769)	(9.575)
1 Lãi sản xuất thực tế	392	400
2 Lỗ thanh lý tồn kho, mmtb, chi phí tồn tại cũ	(5.161)	(9.975)
Trong đó lỗ:		
+ Thanh lý hàng tồn, mmtb	115	(5.675)
+ Do chi phí lãi vay:	(4.852)	(4.300)
+ Khấu hao tài sản chờ thanh lý	(424)	

5. Về việc trả nợ vay:

- Tiếp tục tìm mọi biện pháp để thanh lý hàng tồn kho và các máy móc thiết bị không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ vay.
- Hiện nay, ngân hàng Vietbank đã khởi kiện công ty do nợ quá hạn. Chi Cục thi hành án dân sự Quận 9 đã ra Quyết định thi hành án số: 1695/QĐ-CCTHADS ngày 23/08/2018. Ngân hàng Vietbank đã thông báo phong tỏa tài khoản ngân hàng nên gây nhiều khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp.
- Ngân hàng Vietinbank cũng trong quá trình yêu cầu công ty có lộ trình trả nợ nếu không cũng sẽ khởi kiện.

6. Về cơ cấu lại khu vực sản xuất :

- Năm 2019 tiếp tục khai thác các khu máy có hiệu quả, chỉ sản xuất, gia công khi có đơn đặt hàng đảm bảo hiệu quả không sản xuất để không phát sinh tồn kho.
- Tìm nguồn hàng gia công ổn định tạo việc làm cho người lao động.
- Chuyển hết toàn bộ 14 máy se và 2 máy đậu từ nhà máy Bình Lợi về Vĩnh Thịnh để tập trung khai thác tối đa công suất các máy se hiện có của Công ty, tăng tổng số máy tại nhà máy Vĩnh Thịnh lên thành 42 máy se và 6 máy đậu.

7. Về đầu tư, phát triển:

- Công ty đã đầu tư thêm 1 máy đậu cơ Spandex để đáp ứng nhu cầu mặt hàng se sợi đa dạng cho thị trường bằng nguồn vốn tự có.
Tiếp tục thanh lý hàng hóa, tài sản để trả nợ vay ngân hàng.

3 Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Danh sách HĐQT	Ghi chú	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Số cổ phần đại diện tổ chức	Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	Số cổ phần thuộc sở hữu của những người có liên quan	Cộng	Tỷ lệ sở hữu / vốn điều lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
Lê Thanh Liêm	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	2.056.128				2.056.128	50.15	
Phạm Văn Tân	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm			286.300		286.300	6.98	
Lê Văn Anh	TV.HĐ QT có kiêm nhiệm	696.992		59.000		755.992	18.44	
CỘNG		2.753.120		345.300		3.098.420	75.57	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

- Hội đồng quản trị không tổ chức thành các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Thanh Liêm	CT. HĐQT	15	100%	
2	Phạm Văn Tân	TV. HĐQT	15	100%	
3	Lê Văn Anh	TV. HĐQT	15	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

St t	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/LVN	19/01/2018	V/v Báo cáo tình hình quản trị năm 2017
2	Số 01A/BB-LVN	19/01/2018	V/v Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2017.
3	Số 01B/BB-LVN	10/03/2018	V/v Thống nhất Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Cty
4	Số 02/QĐ- HĐQT/LVN	19/03/2018	V/v Quyết định Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Cty
5	Số 03/BB-LVN	30/03/2018	V/v Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 đã kiểm toán
6	Số 04/CV-LVN	16/05/2018	V/ v Báo cáo xin ý kiến chỉ đạo để thông qua kết quả SXKD 2017, KH 2018
7	Số 06/BB-LVN	06/06/2018	V/v Báo cáo xin ý kiến đại hội cổ đông thường niên tài chính năm 2017
8	Số 07/BB-LVN	07/06/2018	V/v Tạm hoãn đại hội cổ đông thường niên tài khóa năm 2018 (8/6/2018)
9	Số 08/CV-LVN	13/06/2018	V/v Báo cáo của nhóm người đại diện của CV số 536/TĐDMVN-THPC ngày 4/6/2018
10	Số 09/CV-LVN	19/06/2018	V/v Xin ý kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên tài khóa năm 2017
11	Số 10/CV-LVN	19/06/2018	V/v Bổ sung thông tin về phương án SXKD ngắn hạn và thanh lý tài sản 2018
12	Số 11/BB-LVN	29/06/2018	Biên bản đại hội cổ đông thường niên tài khóa năm 2017
13	Số 45/CV-LVN	30/08/2018	V/v Báo cáo tình hình vụ kiện của Vietbank
14	Số 12/BB-LVN	14/09/2018	V/v Thay đổi người đại diện vốn góp tại Cty Phong Thịnh
15	Số 13/BB-LVN	24/09/2018	V/v Phê duyệt chi phí cải tạo, sửa chữa nhà xưởng của dự án kéo sợi len chải kỹ, sợi T/R

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: *(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).*
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. **Ban Kiểm soát**

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: *(danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).*

Danh sách Ban kiểm soát	Chức danh	Số cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ (%)
Phan Thanh Sơn	Trưởng ban				
Hồ Thị Bình	Thành viên				
Vũ Thị Hải	Thành viên				

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát: *(đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).*

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018 bầu bổ sung, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 5 năm (2016 – 2021). Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý / lần theo điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

b1) Nội dung các cuộc họp

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý
- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện rủi ro, thiếu sót, từ đó đưa ra các kiến nghị. Kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính về tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của các số liệu tài chính

b2) Kết quả cuộc họp của Ban kiểm soát:

- Đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho để lấy tiền trả nợ ngân hàng
- Giảm dần dư nợ vay ngắn hạn từ đó giảm chi phí lãi vay.
- Tìm đại lý để tiêu thụ áo len.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương(đ)	Thưởng (đ)	Thù lao (đ)
1	Lê Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	0	0	0
4	Lê Văn Anh	TV HĐQT Q. Tổng Giám đốc	212.349.538	15.608.204	0
5	Phạm văn Tân	TV HĐQT	0	0	0
6	Phan Thanh Sơn	Trưởng BKS	0	0	0
7	Hồ Thị Bình	TV BKS	0	0	0
8	Vũ Thị Hải	TV BKS	0	0	0

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

- Yêu cầu các thành viên HĐQT phải có chứng nhận đào tạo về quản trị Công ty : thực hiện được theo thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Lãnh đạo công ty: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát đã học qua các lớp quản trị công ty, kinh tế tài chính để điều hành đơn vị; Các thành viên HĐQT còn lại sẽ tiếp tục được cử đi tham dự các khóa học trong thời gian sắp tới.
- Yêu cầu về “ Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1. Ý kiến kiểm toán :

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LEN VIỆT NAM**

Lê Văn Anh